TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 74/2018/DS-ST Ngày: 17/8/2018 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi;

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-DS ngày 25/7/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Tâm T, sinh năm 1981; thường trú: Số 100/10/10B, đường Truông Tre, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh D. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1978; thường trú: 45A/6A, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Tâm T trình bày:

Ngày 12/4/2017, anh Nguyễn Tâm T cho chị Trần Thị T vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 10/12/2017, hai bên không thỏa thuận lãi suất và chị Trần Thị T có ký tên vào giấy mượn tiền.

Đến khoảng giữa tháng 5/2017 chị Trần Thị T có trả cho anh Nguyễn Tâm T số tiền 10.000.000 đồng, đến thời hạn trả nợ chị Trần Thị T không trả số tiền còn nợ lại là 70.000.000 đồng. Nay anh Nguyễn Tâm T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị T phải trả số tiền đã vay 70.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018 là 70.000.000 đồng x 3 tháng x 0,66% = 1.386.000 đồng.

- Về phía bị đơn chị Trần Thị T, sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, giấy triệu tập tham gia đối chất, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu chị Trần Thị T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tâm T nhưng chị Trần Thị T không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập chị Trần Thị T tham gia đối chất vào ngày 18/6/2018 và ngày 05/7/2018 nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành đối chất được. Vào ngày 05/7/2018, Tòa án triệu tập chị Trần Thị T tham gia phiên hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, đồng thời nguyên đơn có đơn từ chối hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được qui định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 25/7/2018 và ngày 17/8/2018 Tòa án mở phiên tòa nhưng chị Trần Thị T vẫn vắng mặt không có lý do; anh Nguyễn Tâm T làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị T đã được triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết công khai nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì, vì vậy chị Trần Thị T phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ cở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về nội dung: Xét thấy, giấy mượn tiền ngày 12/4/2017 do nguyên đơn cung cấp và xác định do chính bị đơn ký nhận là cơ sở để xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận vào tháng 5/2017 bị đơn có trả được số tiền 10.000.000 đồng. Bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền vay được bao nhiêu, tức là bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo đúng cam kết. Nguyên đơn căn cứ vào giấy mượn tiền này để yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 70.000.000 đồng là phù hợp với quy định của Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"* nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Tại giấy mượn tiền ngày 12/4/2017 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 10/12/2017. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán bị đơn chỉ trả được số tiền 10.000.000 đồng, còn lại chưa trả số tiền 70.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018: 70.000.000 đồng x 3 tháng x 0,66% = 1.386.000 đồng, căn cứ tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 *"Trường hợp bên vay có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Vì vậy từ sau ngày 10/12/2017 bị đơn không trả thì phải chịu tiền lãi do chậm trả theo qui định trên. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 1.386.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tâm T đối với bị đơn chị Trần Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Trần Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Tâm T số tiền là 71.386.000 đồng (bảy mươi mốt triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng),

trong đó gồm: Tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 1.386.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 3.569.300 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm đồng). Hoàn trả cho anh Nguyễn Tâm T 1.785.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019266 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- CCTHA DS thị xã D;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy